

PHỤ LỤC IV
KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2021-2022
Số lượng người làm việc tại các trường mầm non

TT	Đơn vị	Trường hiện có	Lớp mẫu giáo						Bình quân số trẻ/lớp, nhóm hiện có	Quản lý				nhân viên hỗ trợ phục vụ				Giáo viên				Tổng cộng			
			Số trẻ		Số lớp					Hiện có	Kế hoạch giao 2020	Kế hoạch giao 2021	Tăng+ giảm-	Hiện có	Kế hoạch giao 2020	Kế hoạch giao 2021	Tăng+ Giảm -	Hiện có	Kế hoạch giao 2020	Kế hoạch giao 2021	Tăng + Giảm -				
			Số trẻ hiện có	Số trẻ kế hoạch 2021	Kế hoạch giao 2020	Hiện có 2020	Đơn vị đề xuất 2021	Kế hoạch giao 2021																	
1	TX Ka	11	4829	5025	168	164	172	164	29.4451	35	35	34	-1	11	12	11	-1	196	336	328	-8	242	383	373	-10
2	Kỳ Anh	20	8016	8246	260	260	279	260	30.8308	60	59	59	0	20	21	20	-1	415	521	521	0	495	601	600	-1
3	Cẩm Xuyên	24	7965	8491	260	260	281	271	30.6346	70	71	71	0	20	24	24	0	509	520	542	22	599	615	637	22
4	Thành Phố	15	4273	4319	140	139	140	140	30.741	39	41	41	0	16	15	15	0	249	280	280	0	304	336	336	0
5	Thạch Hà	28	8266	7943	281	288	293	288	28.7014	71	73	73	0	44	39	39	0	454	562	576	14	569	674	688	14
6	Lộc Hà	12	4534	4630	146	146	150	146	31.0548	34	36	36	0	13	12	12	0	254	292	292	0	301	340	340	0
7	Can Lộc	18	7550	7363	255	255	255	255	29.6078	59	62	54	-8	27	28	27	-1	459	510	510	0	545	600	591	-9
8	Hương Khê	21	5687	5604	200	200	200	200	28.435	65	65	63	-2	22	21	21	0	379	400	400	0	466	486	484	-2
9	Hương Sơn	25	6067	5775	232	232	232	232	26.1509	75	82	73	-9	43	40	40	0	396	464	464	0	514	586	577	-9
10	Vũ Quang	12	1683	1747	64	65	67	66	25.8923	29	31	30	-1	11	12	12	0	130	132	132	0	170	175	174	-1
11	Đức Thọ	24	4718	4877	172	169	175	175	27.9172	60	60	60	0	36	36	36	0	339	359	350	-9	435	455	446	-9
12	Hồng Lĩnh	6	2252	2333	65	65	71	71	34.6462	16	17	17	0	6	6	6	0	134	142	142	0	156	165	165	0
13	Nghi Xuân	17	5597	5582	201	198	213	198	28.2677	46	50	48	-2	16	17	17	0	345	402	396	-6	407	469	461	-8
Tổng cộng		233	71437	71935	2444	2441	2528	2466	29.2655	659	682	659	-23	285	283	280	-3	4493	4920	4933	13	5203	5885	5872	-13

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH